

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 4 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng;

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 688/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 32/29 HBT, phường AB, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1976; cư trú tại: Rat Haus Strasse 16 52072 Aachen Cộng Hòa Liên bang Đức; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 02/3/2018 và các văn bản khác, nguyên đơn là anh Nguyễn Chí H trình bày: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức vào ngày 01/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2017 thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do các bên bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh H và chị N không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các văn bản do bị đơn gửi về Tòa án (đã được hợp pháp hóa lãnh sự): Chị Nguyễn Thị Kim N xác nhận mối quan hệ giữa chị N và anh H được xác lập như anh H trình bày. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị N và anh H bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp để tiếp tục chung sống. Nay anh H có yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Chị N xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị N đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức, không thể có mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 27/3/2018, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do anh phải ra nước ngoài. Anh H chị N không thay đổi quan điểm và cam kết không kháng cáo bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Ạm H được ly hôn với chị N; về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, nên chị N có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Ngày 27/3/2018, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do anh phải ra nước ngoài. Đề nghị của chị N và

anh H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu khởi kiện:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức năm 2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh H và chị N chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng khắc phục nên nay anh H có yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh H phù hợp với quan điểm của chị N; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh H và chị N đều thống nhất trình bày không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh H và chị N xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Chí H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 10663 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Chí H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Nguyễn Chí H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ ,
chị N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương